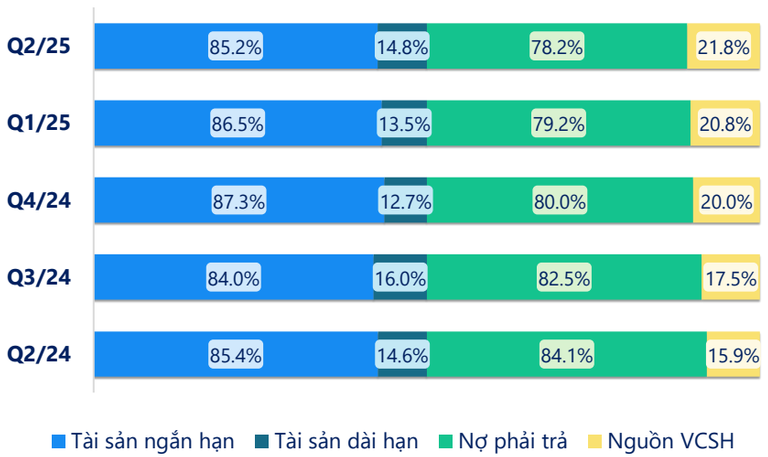
FireAnt

CTCP Tập đoàn Đầu tư Địa ốc No Va (HSX: NVL)

Thông tin giao dịch	30/06/2025
Giá hiện tại (VNĐ)	15,150
Cao nhất 52 tuần (VNĐ)	15,600
Thấp nhất 52 tuần (VNĐ)	8,100
SL cổ phiếu LH	1,950,104,538
KLGD BQ 20 phiên (CP)	24,907,135
% sở hữu nước ngoài	9.5%
Vốn điều lệ (tỷ VNĐ)	
Vốn hóa (tỷ VNĐ)	29,544
P/E	141.5
EPS	107

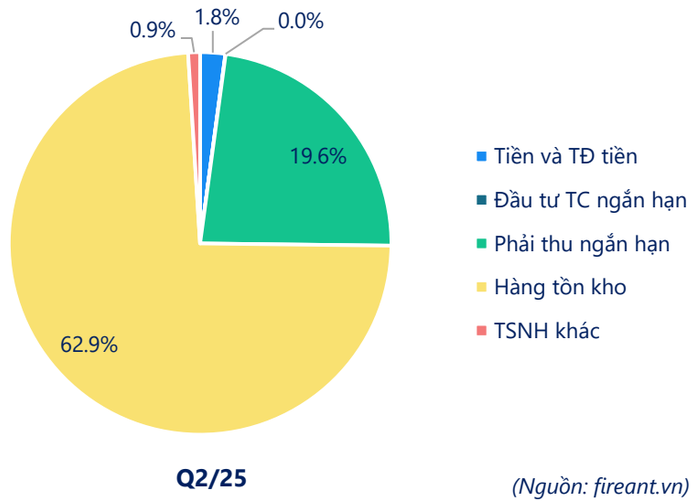
	YTD	1T	3T	6T
NVL	45.7%	6.7%	47.1%	45.7%
VNINDEX	8.4%	2.1%	5.3%	8.0%

Cơ cấu Tổng tài sản



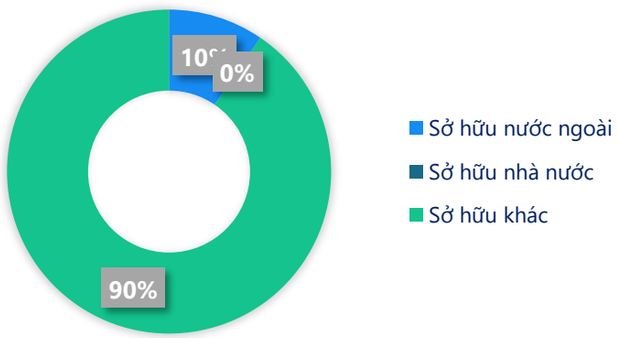
(Nguồn: fireant.vn)

Cơ cấu Tài sản ngắn hạn/Tổng TS



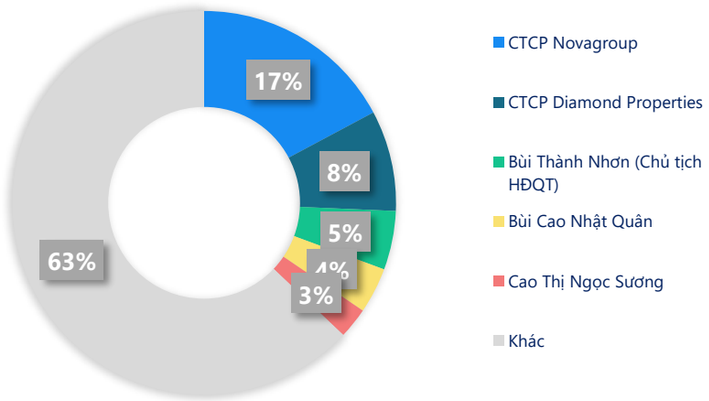
(Nguồn: fireant.vn)

Cơ cấu sở hữu



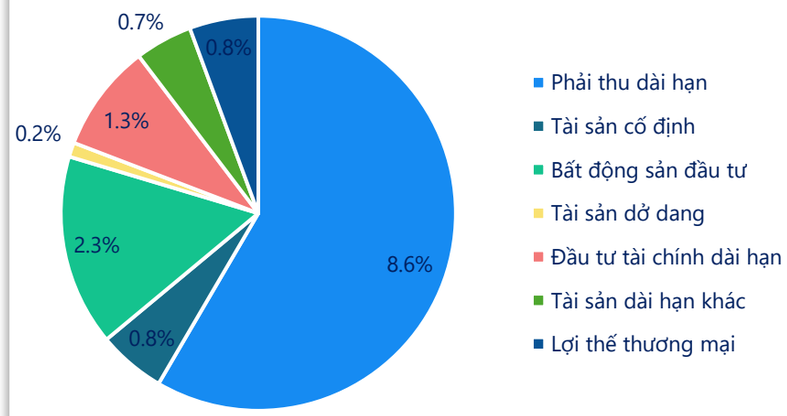
(Nguồn: fireant.vn)

Cơ cấu cổ đông



(Nguồn: fireant.vn)

Cơ cấu Tài sản dài hạn/Tổng TS

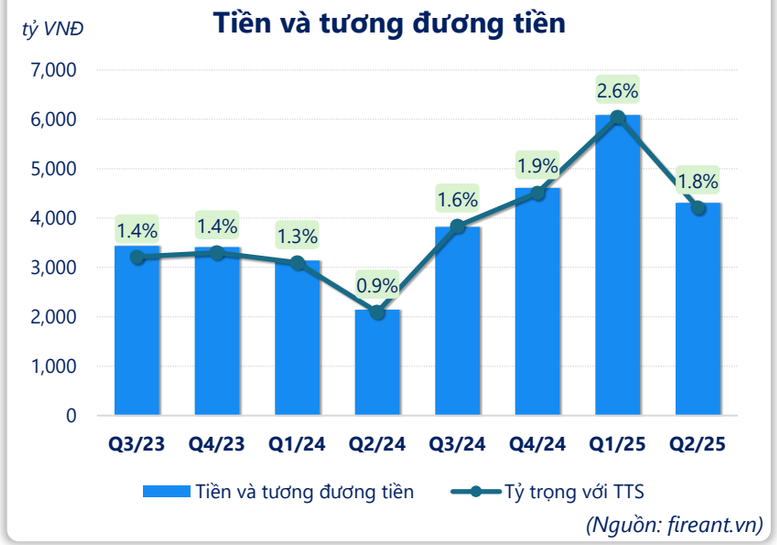


(Nguồn: fireant.vn)

Powered by Infographic

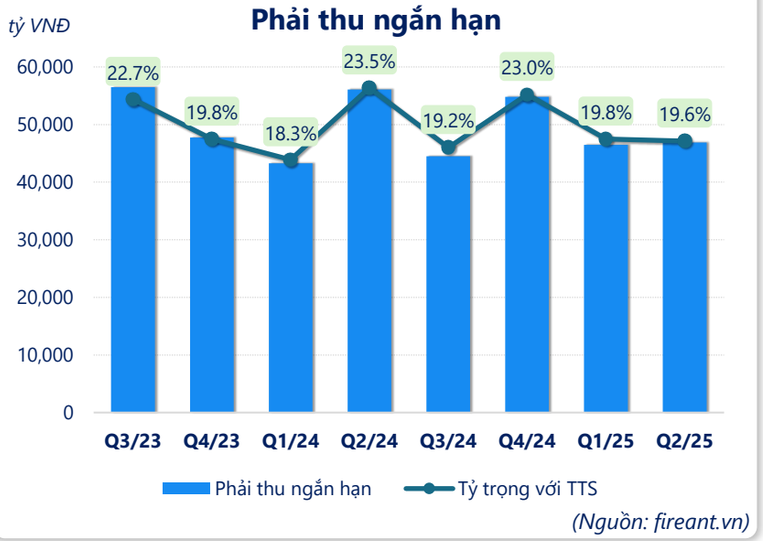
CTCP Tập đoàn Đầu tư Địa ốc No Va (HSX: NVL)

Tiền và tương đương tiền



(Nguồn: fireant.vn)

Phải thu ngắn hạn



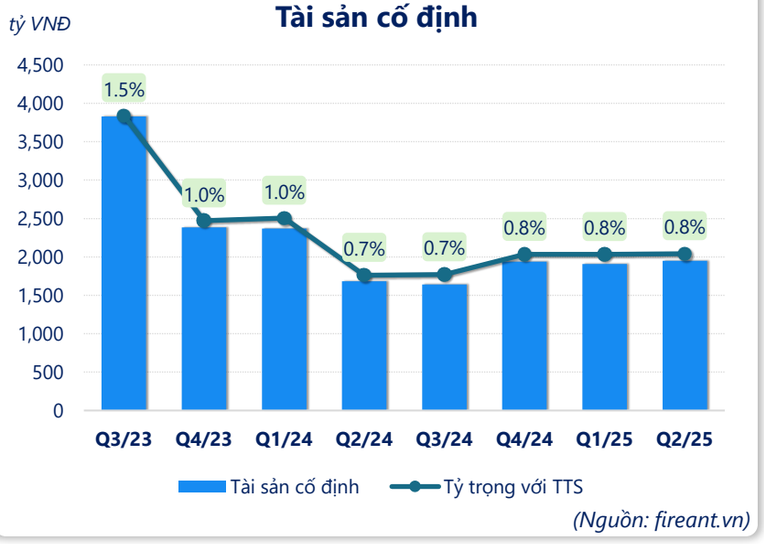
(Nguồn: fireant.vn)

Hàng tồn kho



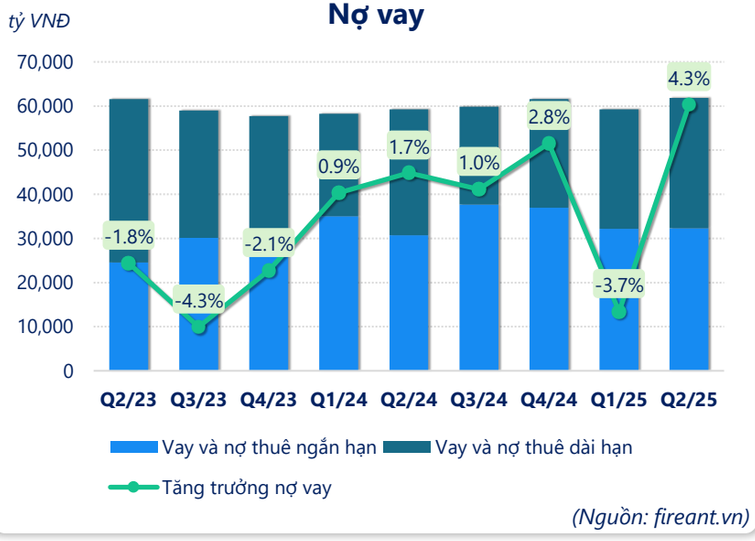
(Nguồn: fireant.vn)

Tài sản cố định



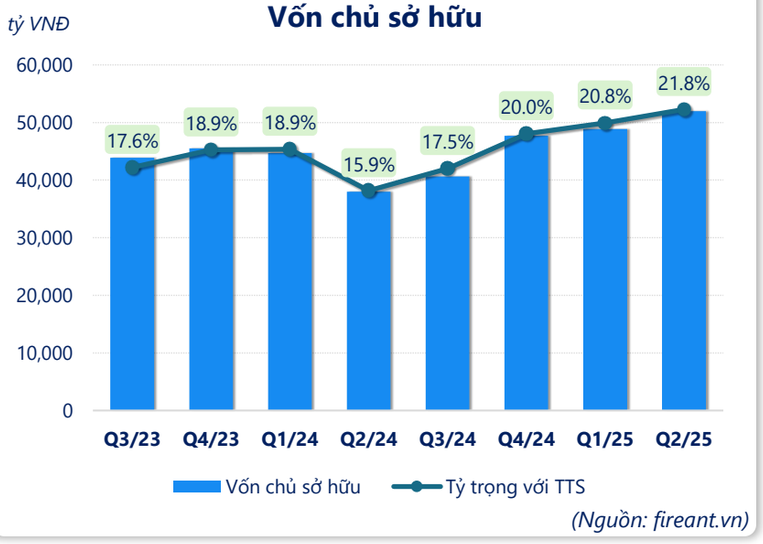
(Nguồn: fireant.vn)

Nợ vay



(Nguồn: fireant.vn)

Vốn chủ sở hữu

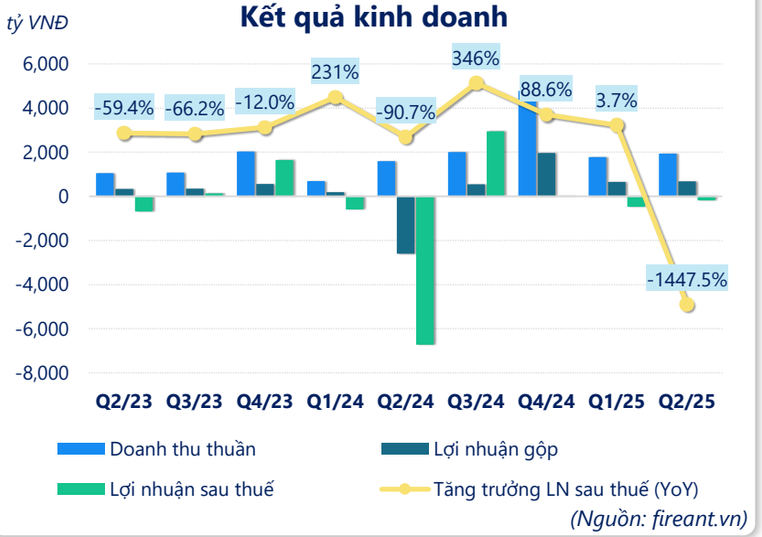


(Nguồn: fireant.vn)

Powered by Infographic

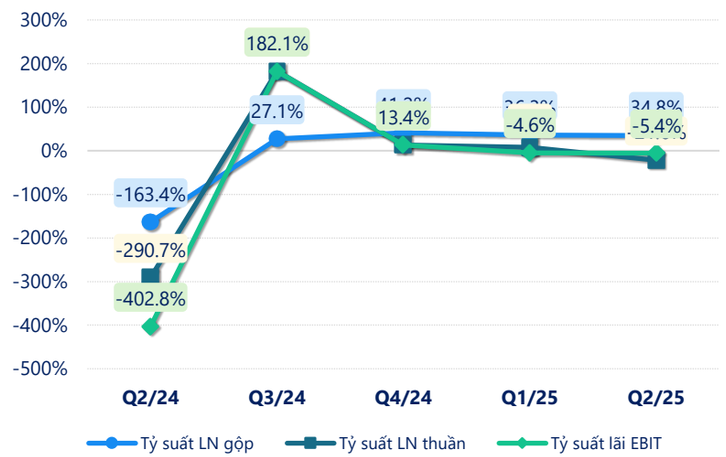
CTCP Tập đoàn Đầu tư Địa ốc No Va (HSX: NVL)

Kết quả kinh doanh



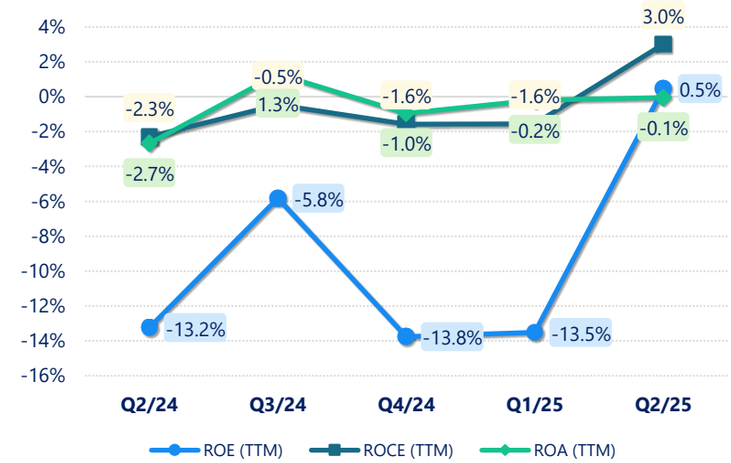
(Nguồn: fireant.vn)

Tỷ suất lợi nhuận



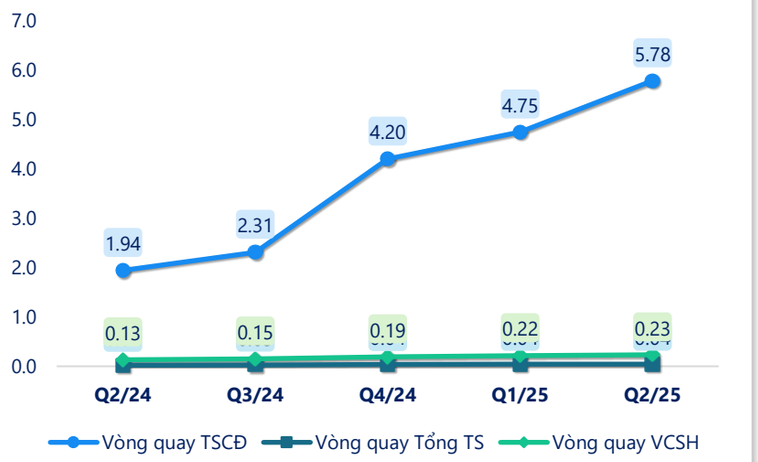
(Nguồn: fireant.vn)

Tỷ suất sinh lợi



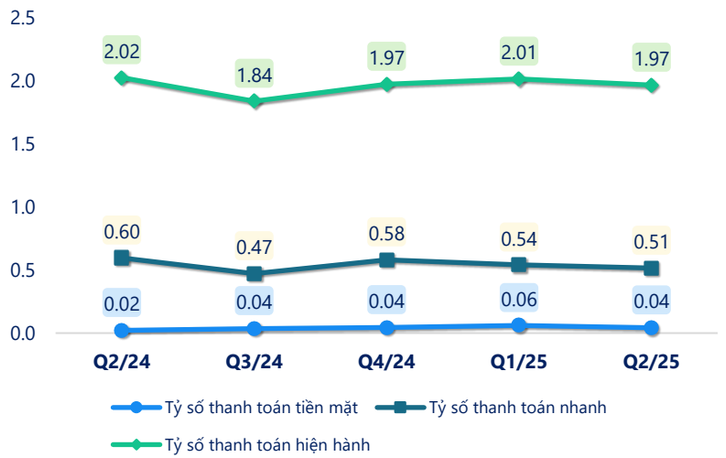
(Nguồn: fireant.vn)

Vòng quay tài sản



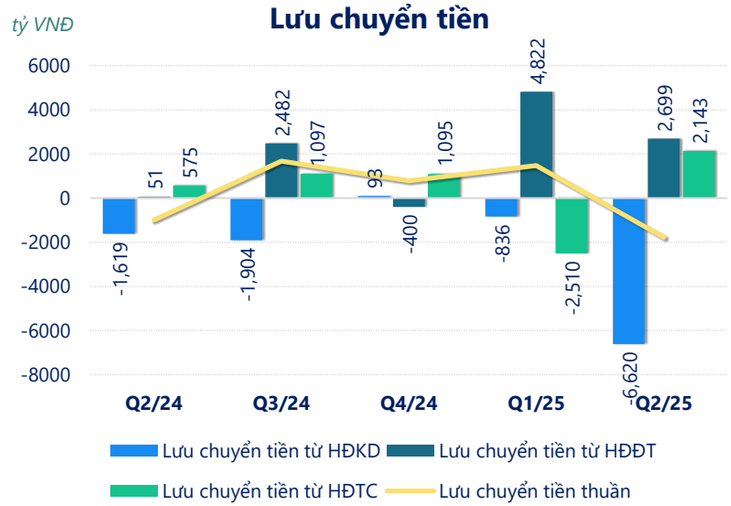
(Nguồn: fireant.vn)

Chỉ số thanh khoản



(Nguồn: fireant.vn)

Lưu chuyển tiền



(Nguồn: fireant.vn)

Powered by Infographic

FireAnt

CTCP Tập đoàn Đầu tư Địa ốc No Va (HSX: NVL)

CÂN ĐỐI KẾ TOÁN *(tỷ VNĐ)*	Tại ngày 30/6/2025	Tại ngày 31/12/2024	Thay đổi
Tổng tài sản	**238,619**	**237,778**	**0.4%**
Tài sản ngắn hạn	203,376	207,831	-2.1%
Tiền và tương đương tiền	4,306	4,608	-6.5%
Đầu tư tài chính ngắn hạn	43.7	31.3	39.8%
Phải thu ngắn hạn	46,874	54,813	-14.5%
Hàng tồn kho	150,113	146,607	2.4%
Tài sản ngắn hạn khác	2,040	1,771	15.2%
Tài sản dài hạn	**35,243**	**29,947**	**17.7%**
Phải thu dài hạn	20,592	15,901	29.5%
Tài sản cố định	1,950	1,938	0.6%
Bất động sản đầu tư	5,526	5,737	-3.7%
Tài sản dở dang	414	544	-23.8%
Đầu tư tài chính dài hạn	3,117	1,709	82.4%
Tài sản dài hạn khác	**1,658**	**1,642**	**1.0%**
Lợi thế thương mại	1,987	2,476	-19.8%
Nợ phải trả	186,651	190,487	-2.0%
Nợ ngắn hạn	**103,476**	**107,222**	**-3.5%**
Vay và nợ thuê ngắn hạn	32,321	36,978	-12.6%
Phải trả người bán ngắn hạn	8,013	8,467	-5.4%
Nợ dài hạn	83,175	83,265	-0.1%
Vay và nợ thuê dài hạn	29,510	24,588	20.0%
Nguồn vốn chủ sở hữu	**51,968**	**47,291**	**9.9%**
Vốn chủ sở hữu	**51,968**	**47,291**	**9.9%**
Vốn điều lệ	19,501	19,501	0.0%
Kinh phí và quỹ khác	**0**	**0**	

(Nguồn: fireant.vn)

KẾT QUẢ KINH DOANH *(tỷ VNĐ)*	Q2/24	Q3/24	Q4/24	Q1/25	Q2/25
Doanh thu thuần	1,587	2,010	4,779	1,778	1,937
Giá vốn hàng bán	4,180	1,465	2,811	1,132	1,263
Lợi nhuận gộp	-2,593	545	1,967	646	673
Doanh thu HĐTC	805	3,898	598	516	512
Chi phí TC	2,364	319	1,254	633	1,136
Chi phí lãi vay	74.0	83.0	66.3	40.0	33.1
LN trong công ty LKLD	1.10	1.05	-9.27	5.30	1.16
Chi phí bán hàng	87.9	104	300	91.0	155
Chi phí QLDN	375	355	369	303	314
LN thuần từ HĐKD	-4,614	3,666	633	140	-418
Lợi nhuận khác	-1,854	-88.1	-59.2	-262	279
LN trước thuế	-6,468	3,578	574	-122	-138
Lợi nhuận sau thuế	-6,726	2,950	25.6	-476	-190
LNST của CĐ cty mẹ	-6,657	3,120	-2,307	-476	-127

(Nguồn: fireant.vn)

LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ *(tỷ VNĐ)*	Q2/24	Q3/24	Q4/24	Q1/25	Q2/25
Lưu chuyển tiền từ HĐKD	-1,619	-1,904	93.4	-836	-6,620
Lưu chuyển tiền từ HĐĐT	51.1	2,482	-400	4,822	2,699
Lưu chuyển tiền từ HĐTC	575	1,097	1,095	-2,510	2,143
Tiền đầu kỳ	3,139	2,145	3,820	4,608	6,084
Lưu chuyển tiền thuần	**-994**	**1,675**	**788**	**1,477**	**-1,778**
Ảnh hưởng tỷ giá	0.00	0.00	0.00	0.00	0.00
Tiền cuối kỳ	2,145	3,820	4,608	6,084	4,306

(Nguồn: fireant.vn)

Powered by Infographic